TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐỐP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **35**/2019/HSST
Ngày: 10/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐỐP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: ông Đoàn Ngọc Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: + Bà: Điểu Thị Hương–Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu
+ Bà: Lê Thị Lan
- Thư ký phiên tòa: ông Nông Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tham gia phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Lâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2019/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2019; Đối với các bị cáo:

1. VÕ VĂN H - sinh năm: 2000; tại: tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; HKTT: KP. T, TT. T, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Võ Văn S, sinh năm: 1966 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1976; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 01 người anh sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/4/2019 đến nay - *Có mặt.*

2. ĐIỂU ĐĂNG T - sinh ngày: 15/4/2001; tại: tỉnh Bình Phước; giới tính: Nam; HKTT: KP. T, TT. T, huyện B, tỉnh Bình Phước; dân tộc: S'tiêng; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Điểu Đăng L, sinh năm: 1978 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1982; bị cáo chưa có vợ con; bị cáo có 01 người em sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại - *Có mặt.*

- Bị hại: Nguyễn Thái H2, sinh năm: 1955; địa chỉ: Ấp 7, xã TH, huyện B,, tỉnh Bình Phước - *Vắng mặt.*

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà: Nguyễn Thị Q, sinh năm: 1976; Địa chỉ: Khu phố T, TT. T, huyện B, tỉnh Bình Phước. – *Có mặt*

+ Ông: Điểu Đăng L, sinh năm: 1978; địa chỉ: Khu phố T, TT. T, huyện B, tỉnh Bình Phước (cha ruột của bị cáo T) – *Vắng mặt.*

+ Bà: Nguyễn Thị B, sinh năm: 1982; địa chỉ: Khu phố T,, TT. T, huyện B, tỉnh Bình Phước (mẹ ruột của bị cáo T) – *Có mặt.*

- Những người làm chứng:

+ Nguyễn Thiện T, sinh năm: 1988 - *Vắng mặt.*

+ Trần Văn P, sinh năm: 1990 - *Vắng mặt.*
+ Trần Văn P, sinh năm: 1990 - *Vắng mặt.*
+ Nguyễn Thị Lan H, sinh năm: 1991 - *Vắng mặt.*
Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã TH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 04/4/2019, Điểu Đăng T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, biển kiểm soát 93G1-136.85 chở Võ Văn H đi đến khu vực ấp 7, xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước để xem đá gà. Khi đi qua nhà ông Nguyễn Thái H2 ở ấp 7, xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp thì phát hiện 01 xe mô tô hiệu Future, màu đen vàng xám, biển kiểm soát 93G1-042.86 đang dựng trước hiên nhà không có người trông coi. Thấy vậy, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô trên để bán lấy tiền tiêu xài. Khi T điều khiển xe qua nhà ông H2 thì H nói T quay xe lại để H lấy chiếc xe trên. T đồng ý và quay đầu xe lại, dừng ở trước cổng nhà ông H2 để H vào chiếm đoạt xe mô tô, T ở ngoài cảnh giới cho H. H đến chỗ để xe mô tô dùng tua vít bẻ ổ khóa điện của xe mô tô rồi dắt xe ra ngoài cổng, sau đó nổ máy và điều khiển xe hướng ra đường ĐT759B. Lúc này người nhà ông H2 phát hiện truy hô và đuổi bắt. H điều khiển xe mô tô vừa chiếm đoạt chạy được khoảng 50m thì bị xe đứt tay ga, H bỏ xe chạy bộ thì bị người dân bắt giữ giao cho Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35/2019/BKL-ĐGTS ngày 10/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đốp kết luận xe mô tô hiệu Hon đa, loại Future FI, màu đen vàng xám, biển kiểm soát: 93G1-042.86 chất lượng sử dụng còn 50% là 16.082.500đồng.

Cáo trạng số: 36/CTr – VKS ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp truy tố các bị cáo Võ Văn H, Điểu Đăng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như trong nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Võ Văn H, Điểu Đăng T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173,các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17; Điều 65 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Võ Văn H từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173,các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điều 17, Điều 91, Điều 101; Điều 65 của Bộ luật hình sự và đề xuất mức hình phạt đối với bị cáo Điểu Đăng T từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp đã truy tố và kết luận.

Các bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Q không biết bị cáo H sử dụng xe mô tô để thực hiện hành vi trộm cắp, bà Q xin HĐXX trả lại xe mô tô biển kiểm soát 93G1-136.85 cho bà. Bà B, mẹ ruột của bị cáo T không có ý kiến tranh luận.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Bù Đốp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, đảm bảo đúng quyền và lợi ích hợp pháp của các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác. Tại phiên tòa, các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến hay khiếu nại gì. Do vậy, về hành vi, quyết định của các cơ quan và những người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Vào khoảng 11 giờ ngày 04/4/2019, Võ Văn H và Điểu Đăng T đã lợi dụng sự sơ hở của gia đình ông Nguyễn Thái H2 ở ấp 7, xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp có để 01 xe mô tô hiệu Future, màu đen vàng xám, biển kiểm soát 93G1-042.86 dựng trước hiên nhà không có người trông coi. Võ Văn H nói T điều khiển xe mô tô dừng ở trước cổng nhà ông H2 để H vào chiếm đoạt xe, T ở ngoài cổng làm nhiệm vụ cảnh giới, H đến chỗ để xe mô tô dùng tua vít bẻ ổ khóa điện xe mô tô rồi nổ máy và điều khiển xe hướng ra đường ĐT759B. Lúc này người nhà ông H2 phát hiện truy hô và bắt giữ. T điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận, xe mô tô do H và T chiếm đoạt của bị hại H2 trị giá 16.082.500đồng.

Hành vi nêu trên của 02 bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo H là người đã thành niên, bị cáo T khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo được 17 tuổi 11 tháng 19 ngày, các bị cáo đều có sức khỏe, nhận thức rõ hành vi lợi dụng sự mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút vào nhà chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì mục đích tư lợi, muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Do vậy, Viện kiểm sát nhân

dân huyện Bù Đốp truy tố 02 bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật

Xét tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Nhưng do đây là vụ án do 02 bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công vai trò và có ý định phạm tội từ trước, nên đây chỉ là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn. Do đó cần xem xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án để cụ thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo. Bị cáo H là người khởi xướng rủ bị cáo T, đồng thời là người thực hành trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt, bị cáo T là người giúp sức cảnh giới cho H, nên bị cáo H phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T. Khi rủ bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội bị cáo H không biết T là người chưa thành niên nên bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng là "Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[3]Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, bị cáo T là người dân tộc thiểu số, khi phạm tội là người chưa thanh niên nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đốp tại phiên tòa về tội danh và hình phạt đối với 02 bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo H cũng đã bị tạm giam hơn 03 tháng, bị cáo T phạm tội khi chưa thành niên, nên chỉ cần giao các bị cáo về địa phương nơi cư trú giám sát cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đối chiếu với Nghị quyết số 02/2018 /NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự thì 02 bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Hon đa, loại xe Future biển kiểm soát 93G1-042.86 và không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về vật chứng:

Một xe mô tô hiệu Hon đa, loại xe Future biển kiểm soát 93G1-042.86 là tài sản hợp pháp của bị hại Nguyễn Thái H2, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông H2 là đúng pháp luật.

Một xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển kiểm soát 93G1-136.85 là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Quyến mẹ ruột của bị cáo Võ Văn H, bà Quyến không biết việc bị cáo H sử xe vào mục đích phạm tội, cần xem xét trả lại xe mô tô cho bà Quyến.

Đối với 01 bình xịt hơi cay, cao 15cm, đường kính 3,4cm, vỏ màu xanh, nắp màu đen, xung quanh bình xịt được quấn bằng băng keo màu đen, xét tài sản không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8]Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **Võ Văn H, Điểu Đăng T** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Võ Văn H 01**(một) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách **02**(hai) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 10/7/2019).

Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự; tuyên trả tự do cho bị cáo Võ Văn H ngay sau khi kết thúc phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 90, 91, Điều 50, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt **Điểu Đăng T 06**(sáu) thàng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách **12**(mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao 02(hai) bị cáo về Ủy ban nhân dân thị trấn Th, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Vật chứng: Áp dụng các điều 47, 48 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại một xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Sirius, biển kiểm soát 93G1-136.85 cho bà Nguyễn Thị Q.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bình xịt hơi cay, cao 15cm, đường kính 3,4cm, vỏ màu xanh, nắp màu đen, xung quanh bình xịt được quấn bằng băng keo màu đen.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0007586 ngày 30/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đốp)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sơ thẩm.

Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đốp;
- THADS huyện Bù Đốp;
- CQCSĐT CA huyện Bù Đốp;
- CQ THAHS CA huyện Bù Đốp;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Đoàn Ngọc Thảo